

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/HC-PT

Ngày 14 tháng 8 năm 2017

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các thẩm phán: Ông Trương Văn Bình

Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đỗ Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLPT-HC ngày 19/8/2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 67/2016/HC-ST ngày 28/6/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 183/2017/QĐ-PT ngày 31/3/2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà , đường Vĩnh Viễn, phường 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N : Bà Nguyễn Thị Tuyết G, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà , Bình Dương 4, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- *Người bị kiện:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 86 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố

Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Trần Tuấn K (vắng mặt)

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch UBND:

1. Ông Hồ Ngọc L sinh năm 1973 – phòng nghiệp vụ 2. (có mặt)

2. Ông Trần Quốc S, sinh năm 1980 – phòng tiếp công dân, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 2. (có mặt)

Địa chỉ: Số Trương Văn Bàng, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Ủy ban nhân dân quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 168 Trương Văn Bàng, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 543/8 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Đông, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông:

Ông Phạm Huỳnh S, sinh năm 1983 – Công chức địa chính – xây dựng Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông (có mặt).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện - bà Nguyễn Thị N do bà Nguyễn Thị Tuyết G đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/01/1996, bà Nguyễn Thị N có mua của ông Nguyễn Hồng H khu nhà, đất có diện tích 776m². Cũng trong năm 1996, bà N làm thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở diện tích 200m² trên phần đất đã có nhà, theo bản đồ vị trí được Ủy ban nhân dân xã Bình Trưng lúc bấy giờ xác nhận vào ngày 09/02/1996. Trong khoảng thời gian từ năm 1996 đến năm 2000, bà N vẫn cho ông H ở nhờ trong căn nhà của mình.

Ngày 17/04/1999 bà N được Ủy ban nhân dân quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00235/QSDĐ đối với phần diện tích đất 417m² mục đích sử dụng đất trồng lúa. Đến ngày 12/06/2000 bà N tiếp tục được Ủy ban nhân dân quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00434/QSDĐ-Q3 với diện tích 359m²,

mục đích sử dụng vườn.

Đến năm 2012, bà N bị thu hồi đất để phục vụ bồi thường giải phóng mặt bằng dự án đầu tư xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tại phường Bình Trưng Đông, quận 2.

Ngày 08/08/2014, Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định số 3454/QĐ-UBND về việc hỗ trợ và tái định cư đối với bà N. Không đồng ý với quyết định trên, bà N khiếu nại đến chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 với nội dung yêu cầu bồi thường phần diện tích 776m² theo đơn giá đất ở, thời điểm sử dụng từ năm 1996.

Ngày 21/11/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR, nội dung bác đơn khiếu nại của bà N. Bà N tiếp tục khiếu nại đến chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/04/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1933/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2.

Ngày 07/08/2015, bà N khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2 nêu trên.

Ngày 26/09/2015, bà N khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do yêu cầu hủy quyết định:

Tại hợp đồng mua bán nhà đất năm 1996 giữa bà N với ông Nguyễn Hồng H đã ghi rõ có một căn nhà do ông H làm từ năm 1996, kết cấu vách tôn, lợp lá, ngoài ra còn có hồ chứa nước phục vụ sinh hoạt gia đình. Căn nhà này đã được thể hiện tại bản đồ hiện trạng vị trí do đoàn đo đạc bản đồ địa chính lập ngày 03/10/1998. Khi nhà xuống cấp thì bà N có sửa chữa lại, khi sửa chữa không bị cơ quan chính quyền địa phương nhắc nhở, ngăn chặn. Tại biên bản làm việc ngày 25/03/2015 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông ghi nhận thì đến ngày 05/02/2015 vẫn có công trình xây dựng trên đất kết cấu cột cây, vách gạch, mái lá để tiến hành xử phạt vi phạm hành chính. Từ năm 2002 đến năm 2011, bà N đều thực hiện đóng thuế nhà đất đầy đủ. Tài liệu bản đồ địa chính năm 2003 không thể hiện căn nhà trên bản đồ là do thiếu sót khi tiến hành đo đạc.

Tại khoản 1 điều 22 quyết định 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định “Hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở trong khu dân cư nhưng không được công nhận là đất ở; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở riêng lẻ; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở dọc kênh mương và dọc tuyến đường giao thông thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm còn được hỗ trợ

bằng 40% giá đất ở của thửa đất đó theo giá đất ở để tính bồi thường do Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định”,

Đôi chiếu từ thực trạng nhà, đất của bà Nga với các quy định của pháp luật thì Ủy ban nhân dân quận 2 áp giá đền bù không thỏa đáng, nên ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà N .

Ngoài ra, bà N còn cho rằng, theo quy định của pháp luật thì sau 05 ngày làm việc kể từ khi ra quyết định thu hồi đất phải ra phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư và sau 03 ngày làm việc phải ra quyết định chi trả bồi thường. Nhưng ngày 20/08/2012 Ủy ban nhân dân quận 2 ra quyết định thu hồi đất, trong khi đó mãi đến ngày 08/08/2014 Ủy ban nhân dân quận 2 mới ban hành quyết định chi trả bồi thường cho bà N . Việc Ủy ban nhân dân quận 2 chậm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại theo quy định pháp luật đã làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà N .

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Khu đất 776m² của bà Nguyễn Thị N sử dụng được Ủy ban nhân dân quận 2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N643694 ngày 17/04/1999, diện tích 417m² thuộc các thửa 313, 1410, tờ bản đồ số 10 mục đích sử dụng là đất lúa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q357805 ngày 12/06/2000, diện tích 359m², thuộc thửa 50, tờ bản đồ số 10, mục đích sử dụng là đất vườn.

Theo quy định tại điểm 4.1.b, mục 4.1 khoản 4 và mục 11.1 khoản 11, phần B, phương án bồi thường 180/PA-HĐBT ngày 27/06/2014 của Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng quận 2 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phục vụ xây dựng trường Nguyễn Văn Trỗi, phường Bình Trưng Đông, quận 2, đã được Chủ tịch ủy ban nhân dân quận 2 phê duyệt tại quyết định số 2801/QĐ-UBND ngày 27/06/2014 quy định đơn giá đất nông nghiệp (thuần) để tính bồi thường tại điểm b, mục 4.1, khoản 4 thì đất nông nghiệp vị trí không giáp mặt tiền đường Nguyễn Duy T thì giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ là 342.000đ/m². Tại mục 11.2 khoản 11 quy định hộ gia đình, cá nhân khi bị thu hồi đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường, thửa đất nông nghiệp tiếp giáp với ranh giới phường, ranh giới khu dân cư thì ngoài việc được bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở trung bình của khu vực có đất thu hồi theo quy định trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân thành phố quy định và công bố hàng năm; diện tích được hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá năm (05) lần hạn mức giao đất ở theo quy định (05 lần x 200m² = 1.000m²); đơn giá đất ở trung bình khu vực có đất thu hồi áp dụng theo văn bản số 2954/UBND-ĐTMT ngày 25/06/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố là 2.051.000đ/m², nên việc bà Nga khiếu nại yêu cầu bồi thường 776m² đất lúa và đất vườn theo đơn giá 12.000.000đ/m² là không phù hợp. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà N .

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân quận 2 do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu bồi thường 776m² đất theo đơn giá đất ở là không có cơ sở. Vì theo nguồn gốc đất do bà N quản lý, sử dụng; bản đồ hiện trạng vị trí do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng tài nguyên và môi trường quận 2 lập ngày 16/02/2012; giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 208/UBND-XN ngày 03/07/2012 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà N được cấp thì mục đích sử dụng khu đất của bà N là đất vườn và đất trồng lúa.

Căn cứ theo quy định của pháp luật và các văn bản quy định về bồi thường, hỗ trợ trường hợp có đất bị thu hồi của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, nên Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư đối với bà Nguyễn Thị N là đúng theo trình tự, thủ tục và phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân quận 2 giữ nguyên quyết định nêu trên và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 trình bày:

Ngày 27/11/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR về giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị N với nội dung giữ nguyên quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 và bác đơn khiếu nại của bà N là đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông do ông Phạm Huỳnh S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 11/01/2012, tổ công tác bồi thường dự án đầu tư xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi tiến hành khảo sát, đo đạc, kiểm kê vật kiến trúc, hoa màu, tài sản gắn liền với đất để phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ cho bà Nguyễn Thị N. Theo biên bản kiểm kê hoa màu thể hiện là đất trống, không có công trình trên đất, bà N đồng ý nội dung và ký tên vào biên bản. Bà N đã tự chỉ dẫn ranh giới, hiện trạng đất thực tế 776m² để Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận 2 lập bản đồ hiện trạng vị trí ngày 16/02/2012, theo bản đồ này cũng thể hiện khu đất của bà N bị thu hồi là trống, không có công trình xây dựng trên đất.

Ngày 03/07/2012, Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông căn cứ vào những tài liệu như: Bản đồ chỉ thị 02/CT-UB, đo đạc từ năm 1992 đến năm 1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N; Bản đồ địa chính đo đạc năm 2003; Biên bản kiểm kê hoa màu, vật kiến trúc lập ngày 11/01/2012 (bà Nga đồng ý nội dung và ký tên vào biên bản); Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất của bà N lập ngày 28/03/2012, các tài liệu này đều thể hiện khu đất của bà N bị thu hồi hiện trạng là đất trống, không có vật kiến trúc trên đất. Theo biên bản tiếp xúc, hiệp thương (lần 3) về việc bồi thường, hỗ trợ về đất, bà N thống nhất nguồn gốc, quá trình sử dụng

đất theo nội dung giấy chứng nhận hồ sơ pháp lý nhà đất số 208/UBND-XN ngày 03/07/2012 do Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông lập, bà N đã đồng ý với nội dung xác nhận, ký tên vào biên bản.

Việc bà N cho rằng từ năm 1998 trên đất đã có căn nhà lá theo bản vẽ hiện trạng vị trí do đoàn đo đạc bản đồ địa chính nhà đất lập ngày 03/11/1998 là không chính xác, vì căn nhà lá này của chủ sử dụng đất trước đây dựng để giữ vườn, không phải để ở và không còn tồn tại từ trước năm 2000. Theo biên bản làm việc ngày 01/10/2015, bà N cũng xác định năm 2013, bà N tự dựng căn nhà trên khu đất bị thu hồi với lý do nhà bị sập. Hơn nữa, căn cứ vào hồ sơ quản lý nhân, hộ khẩu tại địa phương từ trước đến nay, không có người ở tại khu đất này. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm 67/2016/HC-ST ngày 28/6/2016, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu hủy:

Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2 về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư với bà Nguyễn Thị N ;

Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà N ;

Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà N .

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2016, bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá khách quan toàn diện các chứng cứ và xét xử đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị N do bà Lê Thị Tuyết G đại diện theo ủy quyền cho rằng, có đủ cơ sở xác định trên khu đất của bà Nga bị thu hồi có nhà. Do đó việc các cơ quan có thẩm quyền không bồi thường thỏa đáng cho bà N là thiệt thòi cho bà N . Đề nghị Hội đồng xét xử hủy Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2; Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 và quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Việc Ủy ban nhân dân quận 2 chậm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ đã làm ảnh hưởng đến

quyền, lợi ích hợp pháp của bà N , nên bà N yêu cầu được bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân quận 2 chậm bồi thường đối với khoản tiền bồi thường mà bà N được hưởng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân quận 2 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 cho rằng, bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở. Vì căn cứ vào hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà N thì mục đích sử dụng là đất lúa và đất vườn; các bản vẽ hiện trạng, biên bản kiểm kê hiện trạng khi tiến hành các thủ tục thu hồi, bồi thường giải tỏa đều thể hiện là đất trống không có công trình xây dựng, vật kiến trúc trên đất bị thu hồi. Do đó Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định là đúng với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà N .

Ông Phạm Huỳnh S đại diện theo uỷ quyền cho Ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông xác định việc Ủy ban nhân dân quận 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành các quyết định nêu trên đối với trường hợp thu hồi đất của bà N là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà N , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của các đương sự, của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Năm 2012 Nhà nước tiến hành các thủ tục thu hồi đất khu vực phường Bình Trưng Đông, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó có khu đất của bà Nguyễn Thị N để thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

Ngày 08/08/2014, Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định số 3454/QĐ-UBND về việc hỗ trợ và tái định cư đối với bà N . Không đồng ý với quyết định này, bà N khiếu nại với nội dung yêu cầu bồi thường phần diện tích 776m² theo đơn giá đất ở.

Ngày 21/11/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR, nội dung bác đơn khiếu nại của bà N. Bà N tiếp tục khiếu nại đến chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/04/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định số 1933/QĐ-UBND, nội dung giữ nguyên Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2.

Xét hình thức và thẩm quyền ban hành đối với các quyết định nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Xét nội dung các quyết định cho thấy, khu đất 776m² thuộc các thửa thửa 50,

313, 1410, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường Bình Trưng Đông, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Nguyễn Thị N có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hồng H từ năm 1996. Theo hồ sơ khi tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N643694 ngày 17/04/1999; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q357805 ngày 12/06/2000, thể hiện mục đích sử dụng của khu đất này là đất vườn và đất trồng lúa.

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và Môi trường quận 2 lập ngày 16/02/2012 thể hiện tổng diện tích đất bị giải tỏa của bà Nguyễn Thị N là 776m²; theo bản đồ đo đạc từ năm 1992 đến năm 1995; Bản đồ địa chính đo đạc năm 2013; Biên bản kiểm kê hoa màu và kiến trúc lập ngày 11/01/2012; Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất của bà N lập ngày 28/3/2012 đều thể hiện khu đất và N bị thu hồi có hiện trạng là đất trống, không có vật kiến trúc trên đất. Trong đó bà N có ký nhận tại Biên bản kiểm kê hoa màu và kiến trúc lập ngày 11/01/2012.

Theo Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 208/UBND-XN do ủy ban nhân dân phường Bình Trưng Đông lập ngày 03/07/2012 xác định nguồn gốc 776m² đất nêu trên của bà N quản lý, sử dụng, mục đích sử dụng là đất vườn.

Bà N cho rằng từ năm 1988 trên đất đã có căn nhà theo bản vẽ hiện trạng do Đoàn đo đạc bản đồ địa chất lập ngày 03/10/1998 và năm 1996 bà N làm thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất làm nhà ở với diện tích 200m² trên phần đất đã có nhà theo bản đồ vị trí được Ủy ban nhân dân xã Bình Trưng xác nhận ngày 09/02/1996. Tuy nhiên, Căn cứ 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận 2 cấp cho bà N và các hồ sơ, tài liệu trong quá trình tiến hành thu hồi đất của bà N nêu trên thể hiện mục đích sử dụng khu đất của bà N là đất lúa và đất vườn; trên đất không có công trình xây dựng. Bà N cũng thừa nhận tuy có làm hồ sơ chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhưng chưa được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và chưa thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước về việc chuyển mục đích sử dụng đất từ đất lúa, đất vườn sang đất thổ cư. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, bà N thừa nhận tại thời điểm kiểm kê hoa màu vật kiến trúc phục vụ cho việc thu hồi đất thì khu đất của bà N bị thu hồi không còn căn nhà, chỉ còn nền nhà nên bà N mới ký vào biên bản xác nhận trên đất không có nhà và vào năm 2013 bà N có làm 01 căn nhà lá trên nền nhà cũ, nhưng năm 2015 bà N đã dỡ căn nhà này để giao đất cho Nhà nước. Bà N không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Như vậy, Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 về việc hỗ trợ và tái định cư đối với bà Nga; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ.

Tại phiên tòa bà N cho rằng Ủy ban nhân dân quận 2 chậm thực hiện công tác

bồi thường, hỗ trợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi thích hợp pháp của bà N . Tuy nhiên, theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 20/9/2011 Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản số 4684 chấp thuận địa điểm thực hiện dự án. Căn cứ vào biên bản này, Ủy ban nhân dân quận 2 đã ban hành quyết định thu hồi đất đối với khu đất của bà Nguyễn Thị N và thực hiện các thủ tục về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ. Căn cứ vào văn bản số 2954 ngày 25/6/2014 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh, bổ sung đơn giá đất bồi thường, hỗ trợ đối với dự án, nên ngày 27/6/2014 Ủy ban nhân dân quận 2 ban hành quyết định số 2801 về việc phê duyệt phương án bồi thường, sau đó ban hành quyết định số 3454 về việc bồi thường, hỗ trợ đối với bà N là đúng trình tự, thời hạn. Do đó, việc bà N cho rằng Ủy ban nhân dân quận 2 chậm thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ thiệt hại làm ảnh hưởng đến quyền, và lợi ích hợp pháp của bà N là không không có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà N , giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Do bác kháng cáo nên bà N phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N ; giữ nguyên bản án sơ thẩm;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu huỷ:

Quyết định số 3454/QĐ-UBND ngày 08/08/2014 của Ủy ban nhân dân quận 2 về việc bồi thường hỗ trợ và tái định cư với bà Nguyễn Thị N ;

Quyết định số 5014/QĐ-UBND-TTR ngày 27/11/2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 2 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà N ;

Quyết định số 1933/QĐ-UBND ngày 23/04/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà N .

2. Về án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm: Bà N phải chịu 200.000đ. Số tiền 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AC/2012/30567 ngày 27/8/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh được khấu trừ vào tiền án phí sơ thẩm bà N phải chịu.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà N phải chịu 200.000đ. Số tiền 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031002 ngày 02/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh được khấu trừ vào tiền án phí phúc thẩm bà N phải chịu.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao(1);
- VKSND cấp cao tại TP. HCM (1);
- Tòa án nhân dân TP. HCM (1);
- VKSND TP. HCM (1);
- Cục THA dân sự TP. HCM (1);
- Đường sự (theo địa chỉ, 6)
- Lưu hồ sơ(1), VP(3), 14b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Ngọc Huynh